

Hợp tác phát triển vùng Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và vai trò của Tây Nguyên¹

NGUYỄN QUANG THUẤN

Bài viết đánh giá thực trạng hợp tác phát triển kinh tế xã hội giữa 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia; phân tích vai trò của Tây Nguyên trong hợp tác phát triển xuyên biên giới vùng Tam giác phát triển Việt Nam-Lào-Campuchia và đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của Tây Nguyên cũng như thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế-xã hội xuyên biên giới vùng Tam giác phát triển Việt Nam-Lào- Campuchia.

1. Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, khái niệm tam giác phát triển (The development triangle) đã dần trở nên quen thuộc ở khu vực Châu Á. Mục tiêu xây dựng tam giác phát triển là sự kết hợp tổng thể các vùng phát triển kinh tế khu vực nhằm tạo ra lợi ích lớn hơn là hoạt động riêng lẻ. Tam giác phát triển là một loại hợp tác tiểu vùng giữa 3 nước².

Hợp tác xuyên biên giới trong khu vực tam giác phát triển là một hình thức hợp tác quốc tế giữa các nước có chung đường biên nhằm đạt được mục tiêu chung hoặc thu được lợi ích cho các bên. Hợp tác xuyên biên giới là một hiện tượng phức tạp và có nguồn gốc từ sự tương tác của một số yếu tố và hoàn cảnh vùng biên giới của các nước. Bài viết này đề cập đến vấn đề hợp tác xuyên biên giới trong Tam giác phát triển Việt Nam-Lào - Campuchia (TGPT-VLC). Đây là một khu vực ngã ba biên giới của ba nước Việt Nam³, Lào⁴ và Campuchia⁵. Phạm vi của Tam giác phát triển này bao gồm 13 tỉnh, chiếm 19,3% về diện tích tự nhiên và 6,1% về dân số so với cả ba nước. Bài viết sẽ trả lời 4 câu hỏi: (i) Thực trạng hợp tác phát triển kinh tế xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC? (ii) Những thách thức đặt ra trong việc phát triển hợp tác xuyên biên giới vùng TGPT-VLC? (iii) Vai trò và vị trí của Tây Nguyên trong hợp

tác phát triển xuyên biên giới vùng TGPT-VLC? (iv) Giải pháp gì để thúc đẩy vai trò của Tây Nguyên trong hợp tác phát triển kinh tế xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC? Để trả lời các câu hỏi trên, tác giả phân tích dựa trên các tài liệu là các báo cáo tổng kết của các tỉnh khu vực TGPT-VLC và điều tra trên thực địa cùng như phỏng vấn các nhà quản lý tại các cơ quan ban ngành ở các địa phương trong TGPT-VLC.

Nguyễn Quang Thuấn, GS.TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Bài viết này là một phần trong kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp nhà nước "Tây Nguyên trong hợp tác phát triển kinh tế-xã hội xuyên biên giới vùng Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia", mã số TN3/X02.

2. Xem clv-
triangle.vn/portal/page/portal/clv_vn/817442/8327633/.../8597940.

3. Vùng các tỉnh thuộc Tây Nguyên của Việt Nam bao gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước, với diện tích tự nhiên 51.520 km², dân số năm 2011 là 4.663 nghìn người, mật độ dân số 90 người/km².

4. Vùng các tỉnh Nam Lào bao gồm: Attapu, Salavan, Sekong và Champasak, với diện tích tự nhiên khoảng 44.091 km², dân số năm 2008 là 1.198 nghìn người, mật độ dân số gần 27 người/km².

5. Vùng các tỉnh Đông Bắc của Campuchia bao gồm: Mondulkiri, Ratanakiri, Stung Treng và Kratie, với diện tích tự nhiên khoảng 48.743 km², dân số năm 2008 là 684 nghìn người, mật độ dân số 14 người/km².

2. Thực trạng hợp tác phát triển kinh tế - xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC

2.1. Trong lĩnh vực đầu tư

Các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực đầu tư tại khu vực TGPT-VLC chủ yếu diễn ra dưới hình thức đầu tư trực tiếp. Đầu tư của Việt Nam tại Lào và Campuchia chiếm tỷ trọng đa số trong khi hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp phía Lào và Campuchia với các đối tác còn lại rất hạn chế. Đến hết năm 2012, tổng vốn đầu tư của Việt Nam tại khu vực TGPT-VLC ở Campuchia và Lào là 3,1 tỷ USD trong khi chỉ có 5 dự án đầu tư của Lào và 2 dự án của Campuchia đầu tư vào các tỉnh TGPT-VLC ở Việt Nam với khối lượng vốn còn ít. Trong đó, đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại khu vực TGPT-VLC ở Campuchia có tất cả 25 dự án với tổng vốn là 1,44 tỷ USD, so với tổng vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam tại Campuchia là 2,64 tỷ USD với 120 dự án, chiếm 20,8% số dự án và 54,5% về vốn. Điều này cho thấy, các dự án đầu tư vào khu vực TGPT-VLC của Việt Nam tại Campuchia chủ yếu là những dự án lớn.

Đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tập trung lớn nhất tại tỉnh Stung Treng với giá trị lên đến 860 triệu USD, chiếm 59,7% tổng vốn đầu tư vào khu vực TGPT-VLC ở Campuchia; tiếp theo là tỉnh Rattanakiri với giá trị đạt 327 triệu USD, tỉnh Kratie với 156 triệu USD và cuối cùng là Moldulkiri với 99 triệu USD. Đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu trong lĩnh vực trồng cây cao su, xây dựng các dự án thủy điện và công nghiệp khai thác. Hình thức đầu tư chủ yếu là 100% vốn của Việt Nam⁶.

Đầu tư của Việt Nam tại khu vực TGPT-VLC tại Lào có 50 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 1,65 tỷ USD, chiếm 46% về vốn và 23% số dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào. Tương tự như Campuchia, đầu tư tại khu vực TGPT-VLC ở Lào của các doanh nghiệp Việt Nam cũng chủ yếu là những dự án lớn so với mức bình quân chung của các dự án tại Lào. Trong số này, tổng vốn đầu tư của Việt Nam

tại tỉnh Attapeu là lớn nhất với 922 triệu USD, chiếm 55,9% tổng vốn đầu tư tại khu vực TGPT-VLC ở Lào, tiếp đến là Sekong với 460 triệu USD, Champasak với 270 triệu USD và cuối cùng là Salavan với 4 triệu USD.⁷ Tương tự như đầu tư vào Campuchia, những dự án đầu tư của Việt Nam tại Lào tập trung trong các ngành nghề như trồng cây công nghiệp, các dự án thủy điện, xây dựng, nông, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản.

Tại Lào, những dự án đầu tư lớn nhất của Việt Nam phải kể đến là nhà máy thủy điện Xécamăn 3 tại tỉnh Sekong, có công suất 230 MW, trị giá 273 triệu USD được đưa vào vận hành vào năm 2009, dự án thủy điện Xécamăn 1 công suất 420 MW, trị giá 535 triệu USD đang được thi công⁸.

Tại Campuchia, những dự án đầu tư của Việt Nam tại vùng Đông Bắc nước này chủ yếu trong lĩnh vực trồng và phát triển cây cao su, khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện. Trong lĩnh vực thủy điện, các tập đoàn, công ty lớn của Việt Nam đang phối hợp lập các dự án thủy điện trên sông Sê San và sông Sêrêpôc với tổng công suất 800 MW. Theo chương trình hợp tác đầu tư giữa hai nước, các dự án trồng cao su tại Campuchia của các doanh nghiệp Việt Nam đạt khoảng 100.000 ha vào năm 2010. Một số công ty tiêu biểu như: Công ty cổ phần Đức Cường, Công ty cổ phần Cao su Mang Yang-Rattanakiri, Công ty cổ phần Cao su Chu Prong-Stung Treng, Công ty trách nhiệm hữu hạn 75-Rattanakiri⁹.

6. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam. Công thông tin điện tử, Bộ Kế hoạch và đầu tư, 5-12-2012 và số liệu từ Ban Chỉ đạo Tây Nguyên năm 2013.

7. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam. Công thông tin điện tử, Bộ Kế hoạch và đầu tư, 5-12-2012.

8. Thông Tấn xã Việt Nam, ngày 24-4-2007.

9. Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, báo cáo về tình hình hợp tác với Lào và Campuchia, ngày 15-11-2012.

2.2. Trong lĩnh vực thương mại

Khác với đầu tư, hợp tác thương mại, trao đổi hàng hóa xuyên biên giới khu vực tam giác phát triển có phần kém sôi động hơn, chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ không đáng kể so với tổng giá trị thương mại của mỗi nước. Hơn nữa, do hạn chế của quan hệ buôn bán, các số liệu thống kê về thương mại xuyên biên giới giữa ba nước trong tam giác phát triển cũng rất khó thu thập và thiếu đồng bộ. Chẳng hạn, trong quan hệ thương mại Việt Nam-Campuchia năm 2012, tổng giá trị trao đổi lên đến 3,24 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2011. Tuy nhiên, thống kê về trao đổi thương mại xuyên biên giới tại vùng tam giác giữa Việt Nam và Campuchia lại rất nhỏ, kể cả các hoạt động thương mại chính thức và hoạt động trao đổi tại các chợ biên giới. Bởi vì, trên thực tế, trao đổi thương mại Việt Nam-Campuchia qua biên giới tập trung chủ yếu tại 2 địa bàn chủ yếu là Tây Ninh và An Giang. Tương tự, tổng kim ngạch thương mại Việt Nam-Lào năm 2012 đạt 900 triệu USD, tăng 18% so với năm 2011 nhưng trao đổi thương mại giữa các tỉnh Tây Nguyên và Nam Lào tuy có tăng nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng quan hệ thương mại giữa hai nước. Trong những năm gần đây, việc đầu tư, nâng cấp các cặp, khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh-Oygiadiao (Gia Lai-Rattanakiri), Bờ Y-Phu Cua (Kon Tum-Attapeu), Đắc Ruê-Chi Miet (Đắc Lắc-Mondulakiri), Đắc Peur-Nam Lea (Đắc Nông-Mondulakiri)... đã góp phần thúc đẩy các hoạt động thương mại xuất nhập khẩu trong khu vực.

Trong việc phát triển quan hệ thương mại với các tỉnh Nam Lào, Kon Tum là tỉnh giữ vai trò đi đầu, do trên địa bàn tỉnh có cửa khẩu quốc tế và 2 cửa khẩu phụ. Tại Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, các hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai nước Việt-Lào ngày càng tăng. Nếu như năm 2003 giá trị trao đổi thương mại qua cửa khẩu mới chỉ đạt 7 triệu USD thì năm 2005 tăng lên 20,8 triệu USD và năm 2010 đạt mức 53 triệu USD. Trong 2 năm 2011, 2012, tốc độ tăng trưởng thương

mại qua cửa khẩu Bờ Y còn tăng nhanh hơn, với tổng giá trị của 2 năm lần lượt là 102 triệu và 122 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu của 2 năm lần lượt đạt các mức 46 triệu USD, 58 triệu USD và nhập khẩu là 56 triệu USD và 64 triệu USD.¹⁰ Về cơ cấu, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam qua cửa khẩu Bờ Y chủ yếu là máy móc thiết bị, các loại giống cây trồng, phân bón, vật liệu xây dựng... trong khi các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là gỗ tròn, gỗ xẻ các loại, hàng nông sản. Ngược lại, trao đổi thương mại giữa Kon Tum với các tỉnh Đông Bắc Campuchia lại hạn chế do giao thông không thuận lợi. Hiện quan hệ thương mại của Kon Tum chủ yếu với tỉnh Rattanakiri và chủ yếu là các trao đổi buôn bán nhỏ của cư dân dọc biên giới và thông qua cửa khẩu phụ Đắc Kôi. Trong khi đó, trao đổi thương mại của người dân hai bên biên giới trên địa bàn Kon Tum với Lào chủ yếu thông qua các chợ biên giới với các hoạt động nhỏ lẻ, manh mún.

Tại Gia Lai, các hoạt động trao đổi thương mại xuyên biên giới chủ yếu qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, 3 cửa khẩu phụ với Campuchia hoặc qua cửa khẩu Bờ Y để tới Lào. Trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh, giá trị thương mại đạt mức cao nhưng giá trị thương mại với khu vực tam giác lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Năm 2012, tổng giá trị xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Lệ Thanh chỉ đạt 117,46 triệu USD, tăng gấp 2,4 lần so với năm 2011 và cao gấp hơn 2 lần so với tổng kim ngạch thương mại của cả thời kỳ 2006-2010 khi mà cả thời kỳ này chỉ đạt mức tổng giá trị 47 triệu USD¹¹. Năm 2013, tổng kim ngạch xuất khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đạt 103,3 triệu USD, giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 41,5 triệu USD và nhập khẩu 61,8 triệu

10. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát liên hợp từ năm 2005 đến nay, Ban Quản lý ạm kiểm soát liên hợp số 44/BC-TKSLH ngày 24-10-2008, Báo cáo tình hình hợp tác Kon Tum-Lào của Sở Công thương tỉnh Kon Tum, tháng 4-2013.

11. Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động thương mại biên giới năm 2012.

USD¹². Những mặt hàng xuất khẩu chính của Gia Lai sang Campuchia là xăng dầu, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng, phân bón, vật liệu xây dựng. Trong khi đó, các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam qua cửa khẩu Lệ Thanh là hạt điều, sản lát, gỗ xẻ, dầu tương hạt, cao su...

Là một tỉnh có nền kinh tế thuộc diện phát triển khá hơn so với các tỉnh còn lại trong tam giác phát triển, nhưng trao đổi thương mại của Đắk Lắk với các tỉnh Đông Bắc Campuchia cũng như với các tỉnh Nam Lào còn hết sức hạn chế.

Tương tự, Đắk Nông cũng là tỉnh chỉ có đường biên với các tỉnh Đông Bắc Campuchia, nên thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu chủ yếu qua hai cửa khẩu là cửa khẩu quốc gia Buprăng-Ờrăng. Ngoài ra, các hoạt động trao đổi thương mại của Đắk Nông với Mondulakiri và các tỉnh Đông Bắc Campuchia cũng được thực hiện qua cửa khẩu chính Đắk Per-Đắk Đam và lối mở Đắk Maan-Ô Tâm Con. Tuy nhiên, trao đổi thương mại của Đắk Nông với Mondulakiri vẫn còn nhỏ bé so với tiềm năng phát triển. Thống kê về giá trị xuất khẩu cho thấy có sự cải thiện trong giai đoạn 2006-2010 khi tăng từ mức 53.500 USD lên 7.249.596 USD. Trong khi đó, giá trị nhập khẩu cũng tăng từ 278.297 USD năm 2006 lên 5.917.572 USD năm 2010.

Giống như các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, quan hệ thương mại xuyên biên giới của Bình Phước trong khu vực tam giác chủ yếu là với các tỉnh Đông Bắc Campuchia, nhất là Mondulakiri và Kratie. Đáng chú ý, Bình Phước có chợ cửa khẩu quốc tế Hoa Lư tại huyện Lộc Ninh và chợ biên giới Hoàng Diệu tại huyện Bù Đốp rất thuận lợi cho phát triển trao đổi thương mại xuyên biên giới. Năm 2012, kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh Bình Phước qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh đạt 44 triệu USD, các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu là: cao su, gỗ, thiết bị máy móc và hàng tiêu dùng thiết yếu...¹³

2.3. Trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông

Theo định hướng phát triển cho khu vực tam giác, cả ba nước sẽ hợp tác đầu tư xây dựng các trục giao thông chính nối khu vực tam giác phát triển với các trung tâm kinh tế, chính trị của mỗi nước bao gồm 4 tuyến trục chủ yếu đó là: (i) tuyến trục nối khu vực tam giác phát triển với trung tâm chính trị và kinh tế của mỗi nước như quốc lộ 13S, quốc lộ 18B (Lào); quốc lộ 7 (Campuchia); quốc lộ 14, 1A (Việt Nam); (ii) các tuyến trục nối tam giác phát triển khu vực biên giới ba nước với các cảng biển Việt Nam như các quốc lộ 78 nối với quốc lộ 19 ra cảng Quy Nhơn, quốc lộ 25 ra cảng Vũng Rô; quốc lộ 18B nối với quốc lộ 40, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 14B, quốc lộ 24 ra cảng Đà Nẵng và Dung Quất; (iii) các tuyến trục liên kết giữa các địa phương khác trong vùng và từ các trục giao thông chính đến các trung tâm phát triển kinh tế và phát triển dân cư đô thị của vùng; (iv) phát triển mạng lưới đường nông thôn, đường dân sinh.

Trên cơ sở định hướng nêu trên, mỗi nước, mỗi tỉnh trong khu vực tam giác phát triển đều có các dự án cụ thể để phát triển mạng lưới giao thông. Cho đến nay, các dự án về giao thông khu vực tam giác phát triển đều dựa trên các nguồn vốn đầu tư từ hợp tác song phương, Nhật Bản và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Trong số này, các tuyến trục nối khu vực tam giác với các trung tâm kinh tế và chính trị của mỗi nước đã được chính phủ ba nước đặt ưu tiên đầu tư hoặc kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.

12. Bộ Kế hoạch và đầu tư. Báo cáo Tổng quan chiến lược phát triển kinh tế xã hội khu vực tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam và tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 tỉnh Việt Nam thuộc khu vực TGPT CLV giai đoạn 2011-2013. Diễn đàn Đổi mới phát triển khu vực TGPT CLV, Đắk Lắk, 21, 22-4-2014.

13. Bộ Kế hoạch và đầu tư. Báo cáo Tổng quan chiến lược phát triển kinh tế xã hội khu vực TGPT CLV và tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 tỉnh Việt Nam thuộc khu vực TGPT CLV giai đoạn 2011-2013. Diễn đàn Đổi mới phát triển khu vực TGPT CLV, Đắk Lắk, 21, 22-4-2014.

2.4. Về giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường

Từ hội nghị cấp cao ba nước lần thứ 7 ở Viên Chăn, tháng 3-2013, hợp tác về giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững mới chính thức được khởi động. Tại Hội nghị này, cả ba nước đã thống nhất đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế của khu vực và yêu cầu các cơ quan chức năng và các trường dạy nghề chú trọng việc đào tạo lao động có kỹ năng cho các dự án đầu tư trong khu vực TGPT. Riêng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tuy chưa có chủ trương chính thức nhưng hợp tác phân công đào tạo nguồn nhân lực của khu vực tại các cơ sở giáo dục, đào tạo đã dần hình thành. Trong đó, các cơ sở giáo dục này tập trung chủ yếu ở Việt Nam. Tại khu vực các tỉnh trong TGPT-VLC phía Việt Nam đã có Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; Đại học Tây Nguyên - tỉnh Đắk Lắk; phân hiệu Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh tại Gia Lai. Đồng thời, các tỉnh trong khu vực tam giác đang tiến tới kiện toàn, củng cố và liên kết đào tạo giữa các cơ sở dạy nghề tại các tỉnh trong vùng. Với những nỗ lực nêu trên, cho đến thời điểm hiện tại, các trường cao đẳng trung cấp nghề và các trung tâm đào tạo nghề của các tỉnh Tây Nguyên đã cung cấp một số lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật lớn không chỉ tại các địa phương, mà còn cung cấp cho hầu hết các tỉnh của Lào và Campuchia trong tam giác. Như vậy, có thể nói ở cấp độ quốc gia, hợp tác về phát triển xã hội cho khu vực tam giác phát triển mới chỉ được đưa ra mà chưa có các bước triển khai cụ thể. Nhìn dưới góc độ địa phương và các doanh nghiệp, hợp tác phát triển trong lĩnh vực này có phần khá quan trọng.

Đối với các tỉnh Nam Lào, Kon Tum đã hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho hàng trăm sinh viên các tỉnh theo học các ngành: ngôn ngữ tiếng Việt, sư phạm, y tế, kinh tế, nông nghiệp, nghiệp vụ xây dựng dân và chính quyền; đồng thời duy trì việc dạy tiếng Việt

cho học sinh Trường Hữu Nghị Việt - Lào tại tỉnh Sêkông và cử 5 cán bộ của tỉnh sang học tiếng Lào tại tỉnh Attapeu theo thỏa thuận hợp tác giữa các tỉnh. Ngành Y tế Kon Tum đã tiếp nhận khám chữa bệnh cho người dân các tỉnh Nam Lào; duy trì thường xuyên công tác phối hợp giữa quân, dân y trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng giáp ranh biên giới; tổ chức hiệu quả hoạt động kiểm dịch qua lại biên giới tại cửa khẩu. Tương tự, hợp tác trong giáo dục, đào tạo, hỗ trợ trong các hoạt động văn hóa xã hội của Gia Lai với các tỉnh trong tam giác của Campuchia và Lào cũng được đẩy mạnh. Trong những năm 2010-2012, chính quyền và các doanh nghiệp của Gia Lai đã cam kết viện trợ cho các tỉnh Nam Lào xây dựng bệnh viện 200 giường bệnh; xây dựng 250 nhà tái định cư và xây dựng mới toàn bộ khu trung tâm hành chính huyện Phú Vĩnh với tổng giá trị 30 triệu USD; đào tạo nghề cho các học sinh trong 4 tỉnh khu vực tam giác, ủng hộ quỹ xóa đói giảm nghèo... Gia Lai cũng đã thảo luận nhằm giúp các tỉnh Nam Lào trong giáo dục đào tạo bao gồm cả đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp dạy nghề, tập huấn nghiệp vụ. Riêng đối với Attapeu, Gia Lai đã có khá nhiều hình thức hỗ trợ phát triển như xây dựng trường tiểu học, giúp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, phổ biến kinh nghiệm... Trong các năm 2011-2012, Gia Lai cũng đẩy mạnh hợp tác, giúp đỡ cho các tỉnh Đông Bắc Campuchia trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, hỗ trợ vật chất, trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt. Trong những năm sắp tới, tỉnh Gia Lai sẽ tiếp tục giúp đỡ các tỉnh trong tam giác phát triển của Campuchia, Lào trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh. Trong những năm qua, Đắk Lắk cũng đẩy mạnh hợp tác, hỗ trợ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phát triển xã hội cho các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Về giáo dục, đào tạo, tỉnh đã ký văn bản về việc hỗ trợ đào tạo 4 suất học bổng cho sinh viên tỉnh Champasak sang học tại Đại học Tây Nguyên, hỗ trợ tập huấn, đào tạo ngắn ngày

về lĩnh vực nông nghiệp cho các cán bộ của tỉnh Attapeu.

Tỉnh Dăk Nong đã hỗ trợ xây dựng và bàn giao Trường Phổ thông dạy nghề dân tộc cho tỉnh Mondulakiri vào tháng 7-2012 với tổng mức đầu tư 23,82 tỷ đồng. Hiện tại, tỉnh cũng đang tiến hành các thủ tục, khảo sát để hỗ trợ tỉnh Mondulakiri xây dựng Thư viện tỉnh. Trong lĩnh vực y tế, kể từ năm 2010, Dăk Nong đã tổ chức các chuyến thăm và khám chữa bệnh cho nhân dân tỉnh bạn, đồng thời tiếp nhận và khám chữa bệnh cho nhân dân tỉnh bạn tại các cơ sở y tế của tỉnh.

3. Các vấn đề đặt ra đối với hợp tác phát triển kinh tế xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC

Thứ nhất, còn thiếu các văn bản pháp luật về hợp tác phát triển kinh tế xuyên biên giới trong TGPT-VLC. Mặc dù đã có nhiều văn bản hợp tác giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được các bên ban hành và thực thi. Song, thực tế hợp tác xuyên biên giới vùng TGPT-VLC đang thiếu vắng khá nhiều các văn bản, thỏa thuận để giải quyết các vướng mắc trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế ba nước. Đó là các văn bản liên quan đến: khuyến khích hợp tác đầu tư trong khu vực tam giác phát triển từ ba Chính phủ Việt Nam, Lào, Campuchia, trong đó không chỉ đòi hỏi phải giải quyết các vấn đề đầu tư với một quốc gia mà với cả của ba nước; văn bản về kiểm tra chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm; các văn bản nhằm tạo thuận lợi hóa thương mại, đầu tư giữa các bên - đòi hỏi có các văn bản pháp lý, các quy định phù hợp (như quy trình, thủ tục hải quan đơn giản...).

Thứ hai, hạn chế về nhận thức và sự quan tâm đối với TGPT-VLC và hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới. Nhận thức và sự quan tâm của các cấp địa phương, người dân về hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới Việt Nam-Lào-Campuchia còn khá hời hợt. Qua trao đổi với các cấp chính quyền các tỉnh Tây Nguyên và của Lào, Campuchia đều cho thấy: do sự tác động chưa rõ rệt, khó phân

định nên mức độ quan tâm của người dân chưa cao. Thực tế, tổ chức các chương trình, hoạt động của TGPT phần lớn phụ thuộc vào Chính phủ, các bộ, ngành trung ương của ba nước, nên các tỉnh chủ yếu là thực hiện và triển khai. Tuy nhiên, do không có các nguồn lực nên nhiều kế hoạch bị chậm hoặc không tiến hành đầy đủ, đồng bộ như dự kiến. Do vậy, các địa phương khó chủ động trong việc đẩy mạnh hợp tác với các địa phương hai nước bạn.

Thứ ba, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế và các chợ biên giới chưa phù hợp. Sự phát triển của hợp tác kinh tế xuyên biên giới khu vực tam giác phát triển đòi hỏi phải có sự kết hợp đồng thời giữa hoạt động sản xuất và trao đổi buôn bán, giữa phát triển sản xuất bên trong khu vực tam giác với phát triển các khu kinh tế cửa khẩu. Thực tế phát triển của khu vực TGPT-VLC cho thấy các hoạt động đầu tư sản xuất trong khu vực đã có những bước phát triển đáng kể nhưng sự phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu lại chưa phát triển tương xứng. Hiện tại trong khu vực TGPT dọc biên giới Việt Nam-Lào đã có cửa khẩu quốc tế Bờ Y và trên tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia có hai cửa khẩu quốc tế là Lệ Thanh ở Gia Lai và Hoa Lư ở Bình Phước, trong khi trên toàn tuyến biên giới Lào-Campuchia chưa có bất kỳ cửa khẩu quốc tế nào. Tại ba cửa khẩu quốc tế hiện có, các hoạt động trao đổi buôn bán cũng hết sức chậm chạp, do các hoạt động đầu tư và sản xuất hàng hóa chưa phát triển tương xứng.

Tại những khu vực biên giới giữa Kon Tum và Rattanakiri, giữa Kon Tum với Sekong hay khu vực biên giới giữa Attapeu-Rattanakiri, Champasak-Stung treng đang rất cần có một khu vực kinh tế cửa khẩu phát triển thì chưa có.

Cùng với việc phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, việc hình thành, mở rộng mạng lưới các chợ biên giới trong khu vực TGPT cũng hết sức quan trọng và cần thiết. Giữa các khu kinh tế cửa khẩu và các chợ biên giới

có mối quan hệ bổ sung cho nhau trong quan hệ kinh tế xuyên biên giới. Trong điều kiện giao thông và thông tin khó khăn, sự phát triển hệ thống các chợ biên giới và tạo điều kiện về cơ sở vật chất thúc đẩy sự phát triển mạng lưới các chợ sẽ là nhân tố bổ sung quan trọng cho sự phát triển các loại hình quan hệ kinh tế xuyên biên giới, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho toàn vùng trong những năm sắp tới.

Thứ tư, hạ tầng cơ sở còn nhiều khó khăn. Các công trình hợp tác về phát triển kết cấu hạ tầng triển khai còn chậm so với kế hoạch và quy hoạch đề ra. Các con đường 14A, 16A, 16B của Lào để kết nối với các tuyến đường khác của các nước vẫn còn dang dở; quốc lộ 76 nối quốc lộ 78 hay quốc lộ 73 của Campuchia vẫn chưa hoàn thành; thỏa thuận xây dựng cầu Đắc Đang tại khu vực biên giới Việt Nam-Campuchia vẫn chỉ dừng lại ở thống nhất về mặt kỹ thuật giữa Bộ Giao thông vận tải của 2 nước; quốc lộ 78 từ cửa khẩu Oyadav (Campuchia) đến cửa khẩu Lệ Thanh (Việt Nam) vẫn đang chờ vốn. Theo dự kiến, Quốc lộ 14 C (Việt Nam) (giai đoạn 2) chuẩn bị được thực hiện, các tuyến quốc lộ 14 sẽ hoàn thành vào năm 2015. Tuyến đường từ tỉnh Sê Kông (Lào)-cửa khẩu Đắc Tà Ooc (tỉnh Quảng Nam) đang vận động vốn ADB; các tuyến đường 16 (Campuchia) nối Quốc lộ 14C từ Sen Monorum (Đắc Riêng-Monduliri)-Cửa khẩu Bù Prang (nối Quốc lộ 14C tỉnh Đắc Nông), tuyến đường từ Co Nheo (Monduliri, Campuchia)-cửa khẩu chính Đắc Ruê tỉnh Đắc Lắc đang bố trí nguồn vốn trong kế hoạch 2014-2015. Hạ tầng cơ sở, nhất là đường giao thông không chỉ thiếu mà hiện nay tại Tây Nguyên hệ thống đường bộ đang xuống cấp nghiêm trọng.

Thứ năm, các vấn đề xã hội, an ninh, quốc phòng xuyên biên giới khu vực tam giác. Vấn đề di cư đang đặt ra nhiều tác động tích cực và tiêu cực đối với hợp tác xuyên biên giới. Trong nhiều năm qua Tây Nguyên đang diễn ra các luồng di cư từ nơi khác đến. Phần lớn di cư đến Tây Nguyên là người nghèo trong

đó có bộ phận khá lớn người dân tộc phía Bắc và người dân theo nhiều loại tôn giáo. Tình hình di cư đến Tây Nguyên nói chung, khu vực biên giới nói riêng vốn đã phức tạp nay lại càng khó khăn hơn trong việc giải quyết công ăn việc làm, đất đai, an sinh xã hội, môi trường, tài nguyên, ổn định chính trị, quan hệ giữa đồng bào mới đến và các dân tộc tại chỗ. Việc gia tăng quan hệ tộc người xuyên biên giới ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia đặt ra nhiều vấn đề về đảm bảo ổn định cuộc sống, đoàn kết cùng phát triển. Phần lớn người dân vùng biên giới đều có mối quan hệ cá nhân ở bên kia biên giới (dòng họ, gia đình, bạn bè, đối tác làm ăn). Do đó, hầu hết số họ thường xuyên có nhu cầu qua lại giữa hai nước. ở những khu vực biên giới không có cửa khẩu, người dân đi lại rất khó quản lý. Vấn đề an ninh, quốc phòng: trong những năm qua giữa Việt Nam -Campuchia có xảy ra một số vụ liên quan đến việc Campuchia khảo sát, lập doanh trại chưa tuân thủ đúng quy chế hợp tác biên giới, song nhìn chung vẫn đảm bảo tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ của nhau. Ba nước tiếp tục phối hợp tuần tra, bảo vệ đường biên, cột mốc; kịp thời thông báo cho nhau những thông tin trong công tác phòng, chống tội phạm; hỗ trợ tìm kiếm, cất bốc hài cốt bộ đội Việt Nam hy sinh trên chiến trường Lào và Campuchia. Riêng công tác phân giới cắm mốc và tăng dày, tôn tạo cột mốc biên giới: Tuyến Việt Nam – Lào đã khảo sát xác định xong 57/57 vị trí, tương ứng 65/65 mốc (đạt 100%); đã cắm xong 56/57 vị trí (đạt 98%) tương ứng 62/65 mốc. Tuyến Việt Nam – Campuchia chủ yếu hoàn chỉnh hồ sơ, nghị định thư chuyển về bản đồ đường biên từ Bon qua UTM, khảo sát xong 42/60 vị trí (đạt 70%), tương ứng với 62/84 mốc (đạt 73.8%); tiến hành phân giới thực địa tại 275/378 km đường biên (đạt 72,76%). Công tác phân giới cắm mốc tuyến Việt Nam – Campuchia gặp nhiều khó khăn do bên Campuchia thiếu nhân lực, hai bên còn một số điểm nhận thức khác nhau về lời văn, sai lệch giữa bản đồ với thực tế; đặc biệt một số

khu vực nhạy cảm hai bên chưa tháo gỡ được¹⁴

Khu vực biên giới ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, trong đó có vùng biên giới Tây Nguyên, hiện đang là nơi đứng chân và hoạt động của nhiều tổ chức chống phá chính quyền Việt Nam như: FULRO, Tìn lành Đêga, đạo Hà Môn... Các lực lượng này lợi dụng những bất ổn tiềm tàng trên lĩnh vực kinh tế và xã hội tại khu vực biên giới Tây Nguyên, gia tăng hoạt động; kích động, lôi kéo nhân dân; liên kết với các nhóm phản động lưu vong đẩy mạnh đấu tranh về "dân quyền, nhân quyền"; thực hiện âm mưu đưa người vượt biên trái phép sang khu vực Đông Bắc Campuchia để phát triển tổ chức. Mặt khác, trên tuyến biên giới, số lượng các doanh nghiệp Trung Quốc tăng nhanh, tạo thành vành đai ở biên giới Rattanakiri giáp tỉnh Gia Lai. Bên cạnh đó, một số tổ chức nước ngoài tìm cách gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam đang đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Campuchia và Lào. Đây là những rủi ro về mặt an ninh - chính trị đe dọa trực tiếp đến hợp tác trong khu vực TGPT nói chung, hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới của ba nước nói riêng.

Tóm lại, mặc dù đã được Chính phủ ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia quan tâm những năm gần đây nhưng tình hình hợp tác kinh tế xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức đặt ra. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do đây là những khu vực nghèo khó nhất của cả ba nước, cách xa so với các trung tâm phát triển của mỗi nước, dân cư thưa thớt, vì vậy sự quan tâm của các nhà đầu tư còn hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho khu vực của Chính phủ ba nước đều hạn chế, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, chủ yếu kêu gọi nguồn tài trợ từ bên ngoài. Ngoài ra, địa hình khó khăn cũng cản trở việc đầu tư phát triển hạ tầng, làm cho tính kết nối của khu vực với các trung tâm phát triển khác còn hạn chế. Hơn nữa, dân cư sinh sống ở đây chủ yếu là người dân

tộc thiểu số, sự hiểu biết về các chính sách của Nhà nước không nhiều, chưa có đầy đủ các kênh để tiếp cận thông tin, nên việc nắm bắt các cơ hội làm ăn do TGPT-VCL mang lại chưa nhiều. Sự chênh lệch về phát triển giữa các vùng của ba nước vẫn còn rõ nét, Tây Nguyên là khu vực kém phát triển của Việt Nam nhưng vẫn được đánh giá tốt hơn so với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Hoạt động thương mại trong TGPT-VLC chủ yếu diễn ra trong cặp quan hệ Việt Nam - Lào và Việt Nam-Campuchia, hầu như không có trao đổi thương mại và đầu tư giữa Campuchia và Lào.

4. Vai trò và vị trí của Tây Nguyên trong hợp tác phát triển kinh tế xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC

Vai trò của Tây Nguyên trong phát triển khu vực nói chung, hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới nói riêng thể hiện trước hết ở các nguồn lực cho phát triển vùng này. Tây Nguyên là vùng rất giàu tiềm năng về: (i) nông nghiệp: chiếm 1/6 diện tích cả nước, trong đó diện tích đất đỏ Bazan chiếm 66% diện tích đất Bazan toàn quốc¹⁵; (ii) lâm nghiệp: Tây Nguyên hiện có diện tích rừng lớn nhất nước, rừng Tây Nguyên là rừng tự nhiên nguyên sinh nhiệt đới có nhiều loại gỗ quý; (iii) khoáng sản, năng lượng: gồm có vàng, bô xít, đá quý, măng gan, kim loại phóng xạ, lưu vực sông Sê rê póc, Sê San, thượng nguồn sông Đồng Nai, sông Ba có tiềm năng lớn về thủy điện¹⁶; (iv) du lịch thiên nhiên và du lịch văn hóa: với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ của các khu rừng nguyên sinh như Chư Moray, Đak

14. Ban chỉ đạo Tây Nguyên, số 58-BC/BCĐTN. 2012. *Báo cáo về tình hình, quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia*, tư liệu lưu tại Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk.

15. Tổng cục Thống kê (2004), *Niên giám thống kê 2003*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

16. Minh Long (2005), *Tây Nguyên-"cao nguyên" điện*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số Xuân Ất Dậu, tr 31.

Uy, núi Ngọc Linh, khu vườn quốc gia Kon Hơ Nùng, Yoóc Đôn, các thác nước như Đắc Tre, thác Konxlak, thác Măng Cánh, thác Yaly... đem đến cho con người những cảm xúc giàu chất thơ diệu nhạc. Ngoài ra, do còn bảo lưu một nền văn hóa dân tộc nhiều màu sắc in đậm nét nhân văn, một hệ thống các di tích lịch sử văn hóa như Đắc Tô - Tân Cảnh, Kon Tum, đường 19, An Khê, Buôn Ma Thuột, hứa hẹn một khả năng phát triển du lịch văn hóa sinh động và hấp dẫn.

Vai trò và vị trí quan trọng của Tây Nguyên còn thể hiện ở địa chính trị. Tây Nguyên có tầm quan trọng chiến lược về an ninh quốc phòng của đất nước. Với vị trí của Tây Nguyên, từ đây có thể phát triển xuống vùng duyên hải miền Trung, Nam Bộ, Đông Bắc Campuchia và Nam Lào. Khu vực Tây Nguyên là cửa ngõ thông thương với Lào và Campuchia. Đường biên giới Tây Nguyên dài 590 km (trong đó tỉnh Kon Tum có 125 km giáp Campuchia, 135 km giáp Lào; tỉnh Gia Lai có 90 km giáp Campuchia; tỉnh Đắc Lắc có 73 km giáp Campuchia; tỉnh Đắc Nông có 123 km giáp Campuchia). Toàn tuyến biên giới có 3 cửa khẩu quốc tế nằm trong khu vực TGPT-VLC, là tiền đề quan trọng để Tây Nguyên mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực, đồng thời đóng vai trò đầu mối giao thông quan trọng trong việc xuất nhập cảnh hàng hóa của các nước đến các cảng biển Việt Nam như Văn Phong, Quy Nhơn, Đà Nẵng. Với vị trí chiến lược và tiềm năng, thế mạnh sẵn có, một Tây Nguyên ổn định và phát triển bền vững sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng, củng cố mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tây Nguyên đóng vai trò chủ yếu trong phát triển sản xuất và mở rộng thị trường. Vị trí động lực của Tây Nguyên không chỉ ở phát triển nói chung mà còn trong từng lĩnh vực kinh tế-xã hội nói riêng: sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, phát triển dịch vụ, nhân lực... Tây nguyên có vị trí chủ yếu trong hợp tác liên kết trong khu vực TGPT với bên

ngoài. Với những tiềm lực và khả năng của mình, các tỉnh Tây Nguyên đang thực sự trở thành điểm đến của các nhà đầu tư. Tây Nguyên đã thể hiện rất rõ vai trò kết nối các các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam, nhất là với các tỉnh phía Nam. Điều này cũng cho thấy vai trò liên kết hợp tác của Tây Nguyên cả nội vùng và cả với khu vực TGPT. Hơn thế nữa, việc thúc đẩy phát triển thương mại theo hướng đa dạng, hình thành các khu thương mại tự do giữa các tỉnh Tây Nguyên với các khu vực thuộc tiểu vùng sông Mê Kông, thực hiện chính sách kinh tế cửa khẩu đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả đang được tiến hành hứa hẹn triển vọng khá tốt đẹp. Điều đó cho thấy vai trò liên kết hợp tác phát triển của Tây Nguyên nói chung, trong đây mạnh hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới nói riêng trong TGPT-VLC.

Vai trò của Tây Nguyên còn thể hiện trong việc đảm bảo an ninh chính trị khu vực biên giới và tăng cường hữu nghị hợp tác với các nước bạn. Khu vực biên giới vùng TGPT, trong đó có vùng biên giới Tây Nguyên từ trước tới nay vốn không yên ả. Thực tế, ở khu vực biên giới và cả nội địa đang tồn tại nhiều tổ chức chống phá Việt Nam và cả các địa phương của 2 nước Lào và Campuchia.... Các lực lượng này lợi dụng những khó khăn kinh tế và xã hội tại khu vực biên giới Tây Nguyên đã gia tăng hoạt động; kích động, lôi kéo nhân dân; liên kết với các nhóm phản động lưu vong để chống phá Việt Nam. Hiện nay trên tuyến biên giới, số lượng các doanh nghiệp Trung Quốc tăng nhanh, các dự án của họ đã chiếm một diện tích đất đai khá lớn và hình thành một vành đai ngay ở biên giới như ở tỉnh Rattanakiri, Monduliri... Bên cạnh đó, một số tổ chức nước ngoài tìm cách gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam đang đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Campuchia và Lào. Đây là những rủi ro về mặt an ninh - chính trị đe dọa trực tiếp đến hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới. Không chỉ phải ngăn chặn các hoạt động làm bất ổn về an ninh mà các tỉnh biên giới Tây

Nguyên còn phải đối phó với nạn buồn lậu, cờ bạc, ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

5. Định hướng giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Tây Nguyên trong hợp tác phát triển kinh tế xã hội xuyên biên giới vùng TGPT-VLC

Thứ nhất, để nâng cao vai trò của Tây Nguyên, trước tiên cần phát triển nhanh khu vực này và nâng cao đời sống của người dân. Vì vậy cần tạo ra sự chuyển đổi mô hình kinh tế vững chắc cho các tỉnh Tây Nguyên dựa trên việc nâng cao chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực như cà phê, cao su, các cây công nghiệp khác...; đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản; hình thành và phát triển các thương hiệu hàng hóa chủ lực của Tây Nguyên trên thị trường toàn cầu.

Thứ hai, tiến tới hình thành các trung tâm tài chính, dịch vụ cho khu vực với các đô thị hạt nhân là Buôn Ma Thuột, Pleiku. Tây Nguyên sẽ đóng vai trò là một cực mạnh nhất trong TGPT-VLC, có tác động lan tỏa đến toàn khu vực trong TGPT-VLC và các vùng khác của Việt Nam. Do đó, việc nâng cấp hệ thống hạ tầng, đường sá có ý nghĩa rất quan trọng, cần phải ưu tiên tập trung thực hiện sớm.

Thứ ba, thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tập đoàn, công ty tư nhân, các doanh nghiệp kinh doanh tại khu vực Tây Nguyên phát triển làm hạt nhân, cơ sở cho việc mở rộng, phát triển sản xuất trong khu vực tam giác thông qua các hoạt động thương mại và đầu tư.

Thứ tư, đảm bảo ổn định chính trị, môi trường đầu tư an toàn và tăng cường hữu nghị giữa ba nước và các địa phương của Lào, Campuchia trong vùng TGPT, làm cơ sở để phát triển các lĩnh vực khác.

6. Kết luận

Sự phát triển của Tây Nguyên nói chung, hợp tác kinh tế-xã hội xuyên biên giới khu vực TGPT-VLC nói riêng đã có những sự thay đổi vượt bậc so với trước. Những kết quả

đó là do công sức của lớp lớp cán bộ và đồng bào Tây Nguyên đã bỏ ra trong suốt nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, việc tiếp tục đưa Tây Nguyên trở thành vùng động lực trong phát triển hợp tác với Lào và Campuchia đang đặt ra nhiều vấn đề khả cấp bách trong tất cả các lĩnh vực của đời sống. Để biến tiềm năng cho đến khả năng và hiện thực hóa hợp tác kinh tế xuyên biên giới càng cho thấy Tây Nguyên cần phải đóng vai trò quan trọng không chỉ đối với Việt Nam mà còn với cả vùng TGPT-VLC. Chính vì vậy, cần phải thúc đẩy Tây Nguyên phát triển bền vững, ổn định dựa trên chính những thế mạnh của Tây Nguyên là nông lâm nghiệp và công nghiệp chế biến thực phẩm. Tiếp đến cần có cơ chế để gia tăng tính kết nối giữa Tây Nguyên với các tỉnh của Lào và Campuchia./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2014), Báo cáo Tổng quan chiến lược phát triển kinh tế xã hội khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam và tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 tỉnh Việt Nam thuộc khu vực TGPT-VLC giai đoạn 2011-2013, Diễn đàn Đối tác phát triển khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Đắk Lắk, ngày 21 - 22-4-2014.
2. Báo cáo chuyên đề của tỉnh Đắk Nông "Cải thiện tình kết nối: nâng cấp cơ sở hạ tầng và tạo thuận lợi cho việc vận chuyển người và hàng hóa qua biên giới", tại Diễn đàn Đối tác phát triển khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Đắk Lắk, ngày 21 - 22-4-2014
3. Báo cáo chuyên đề của tỉnh Kon Tum: "Định hướng phát triển bền vững cho 5 tỉnh trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam", tại Diễn đàn Đối tác phát triển khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Đắk Lắk, ngày 21 - 22-4-2014.
4. Báo cáo chuyên đề của tỉnh Đắk Lắk "Chính sách và cơ chế huy động nguồn lực cho khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam", tại Diễn đàn Đối tác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Đắk Lắk, ngày 21 - 22-4-2014.
5. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Báo cáo kết quả Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch vào khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Buôn Ma Thuột, ngày 12-12-2012.
6. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Báo cáo về tình hình quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia, Buôn Ma Thuột, ngày 6-11-2012.
7. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, bảo đảm quốc

phòng an ninh năm 2012 và chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2013, Đắk Lắk, ngày 3-1-2013.

8. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo tình hình hợp tác với Lào và Campuchia năm 2012, Đắk Lắk, ngày 6-11-2012.

9. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Đắk Lắk, ngày 27-08-2012.

10. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2012 và kế hoạch năm 2013, Đắk Nông, tháng 12-2012.

11. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông, Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội khu vực Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Đắk Nông, tháng 8-2012.

12. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2012 và kế hoạch năm 2013, Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông.

13. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông, Báo cáo Tổng kết 10 năm tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng, Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông, Đắk Nông, tháng 2-2013.

14. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông, Sở Công thương, Báo cáo tình hình hoạt động thương mại biên giới, Đắk Nông, tháng 9-2012.

15. Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Ban chỉ đạo hoạt động thương mại biên giới, Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động thương mại biên giới năm 2012, Gia Lai, 2012.

16. Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Báo cáo Bộ Kế hoạch và đầu tư về kết quả hợp tác với các tỉnh của Vương quốc Campuchia và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Gia Lai, ngày 12-11-2012.

17. Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Sở Kế hoạch và đầu tư, Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2013, Gia Lai, ngày 12-11-2012.

18. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum, Sở Công thương, Báo cáo tình hình hợp tác với Lào và Campuchia, Kon Tum, tháng 4-2013.

19. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015, Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum.

20. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2012; phương hướng, nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2013, Kon Tum, ngày 9-11-2012.

21. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011 và nhiệm vụ năm 2012, Bình Phước, tháng 11-2011.